1. Mua hàng/nhận hàng: thông tin cần điền/cung cấp chia theo bộ phận:

* Mua hàng/Logistic:
* Sản phẩm
* Dự án
* Nhân sự phụ trách dự án
* Số PO
* Nhà cung cấp
* Số shipment dự kiến
* Ngày hàng về dự kiến
* Ngày hàng về thực tế
* Số kiện, trọng lượng từng shipment
* Phương thức bao gói
* Phương thức vận chuyển
* Đơn vị vận chuyển
* Mã hàng, tên hàng, PN nhà cung cấp, PN nhà sản xuất
* Số lượng theo packing list, theo hóa đơn
* Số lượng theo đơn vị bao gói tối thiểu (SPQ)
* Đơn giá
* Kho:
* Người nhận hàng
* Tình trạng kiểm hàng: chưa kiểm, đã kiểm sơ bộ (theo đầu mục kiện), đã kiểm chi tiết (kiểm đếm chi tiết bên trong kiện)
* Ngày kiểm hàng, người kiểm hàng
* Số phiếu nhập kho
* Số phiếu yêu cầu IQC, ngày yêu cầu IQC, thời hạn cần trả kết quả IQC
* Số lượng thực nhận (tốt, lỗi)
* Số lượng hoàn trả nhà cung cấp
* IQC Nhà máy:
* Tình trạng IQC: chưa lấy mẫu, đã lấy mẫu đang kiểm tra, đã trả kết quả, kết quả đang cân nhắc (trường hợp hàng có vấn đề cần trao đổi với các bên liên quan)
* Người lấy mẫu, số lượng lấy mẫu
* Người kiểm tra IQC
* Ngày hoàn thành IQC
* Kết quả IQC: chấp nhận, từ chối, chấp nhận có điều kiện (nêu điều kiện cụ thể), đang chờ kết quả
* Số phiếu kết quả IQC
* Tỷ lệ lỗi

1. Quản lý thông tin linh kiện vật tư, sản phẩm:

* TTCN:
* RDBoM: mã/tên sản phẩm, mã/tên các linh kiện cấu thành, vị trí linh kiện trên sản phẩm, công đoạn của vật tư linh kiện (bảng mạch mặt dưới, bảng mạch mặt trên, linh kiện cắm tay, lắp ráp, vật tư bao gói), nhà cung cấp khuyến nghị, PN nhà cung cấp, PN nhà sản xuất, linh kiện có thể sử dụng thay thế (theo từng sản phẩm)
* Tên file Cad tương ứng
* Nhà máy:
* MFBoM: mã/tên vật tư tiêu hao, định mức vật tư tiêu hao
* Tỷ lệ tiêu hao linh kiện trong quá trình sản xuất
* Tỷ lệ linh kiện sử dụng sửa chữa bảo hành
* Tỷ lệ sản phẩm hỏng trong sản xuất/khách hàng trả về
* Phát triển sản phẩm:
* Ngày/version firmware sản phẩm
* Thời điểm áp dụng firmware
* Đối tượng khách hàng ứng với mỗi loại firmware (nếu có)

1. Quản lý kho:

* Thông tin các kho và vật tư hàng hóa
* Tên các kho vật lý, tên các kho theo mục đích kế toán
* Số/tên kệ, giá, khoang, ô, khu vực lưu giữ (vị trí vật lý)
* Danh mục vật tư (tên/mã, PN nhà cung cấp, PN nhà sản xuất), tài khoản vật tư, sản phẩm tương ứng
* Các giao dịch nhập xuất:

Xuất nguyên vật liệu sản xuất:

* Tên/version sản phẩm
* Mã/tên dự án hoặc vụ việc
* Số lượng sản phẩm theo lệnh sản xuất
* Số lượng linh kiện thực xuất (cho phép lựa chọn nâng cao: theo shipment/PO, theo PN nhà cung cấp/nhà sản xuất, theo vị trí vật lý lưu giữ…)
* Số mac/imei cấp ra

Xuất hàng theo hợp đồng bán:

* Số yêu cầu xuất kho/yêu cầu chuẩn bị hàng
* Đơn vị/bộ phận yêu cầu
* Số hợp đồng/số shipment
* Tên khách hàng
* Số phiếu xuất
* Số lượng xuất (cho phép lựa chọn nâng cao: theo version/firmware, màu sắc sản phẩm, lô/phiếu nhập kho, số thùng sản phẩm…)
* Xuất xứ hàng
* Phương thức vận chuyển
* Phương thức bao gói
* Ngày xuất hàng yêu cầu
* Ngày xuất hàng thực tế
* Đơn vị nhận
* Số lượng đã phát hóa đơn

Xuất mục đích khác:

* Số yêu cầu xuất kho
* Đơn vị/bộ phận yêu cầu
* Số phiếu xuất
* Mục đích xuất: biếu tặng, nghiên cứu thử nghiệm, sử dụng làm công cụ, sửa chữa, bảo hành, xuất mượn…
* Số lượng xuất
* Ngày xuất
* Người xuất
* Đơn vị nhận
* Số lượng/ngày dự kiến hoàn trả/hoàn trả thực tế (nếu có)

Nhập mua vật tư hàng hóa:

* Đơn vị/bộ phận yêu cầu nhập kho
* Số phiếu nhập kho
* Ngày nhập kho
* Mã/tên vật tư, PN nhà cung cấp, PN nhà sản xuất
* Số lượng theo đơn vị bao gói tối thiểu (SPQ)
* Số lượng theo packing list, theo hóa đơn, số lượng thực nhập kho tốt/kho lỗi
* Đơn giá
* Thủ kho nhận
* Vị trí lưu giữ hàng

Nhập sản phẩm:

* Đơn vị/bộ phận yêu cầu nhập kho
* Số phiếu nhập kho
* Mã/tên sản phẩm
* Version/firmware sản phẩm
* Ngày sản xuất
* Số lượng nhập kho
* Số serial/mac/imei
* Số thùng kiện theo SPQ
* Người kiểm tra QA
* Ngày nhập kho
* Thủ kho nhận
* Vị trí lưu giữ sản phẩm

Nhập bán thành phẩm:

* Mã/tên bán thành phẩm
* Firmware bán thành phẩm
* Ngày sản xuất
* Số lượng nhập kho
* Số mac
* Ngày nhập kho
* Thủ kho nhận
* Vị trí lưu giữ bán thành phẩm
* Cập nhật và tra cứu: hệ thống cho phép:
* Import/export các dữ liệu nhập xuất từ/ra file excel
* Trừ vật tư linh kiện theo định mức sản xuất ngay khi bán thành phẩm/sản phẩm được nhập kho
* Xem và export các dữ liệu tồn kho (cả về số lượng và giá trị) tại mọi thời điểm: theo kho vật lý, ngăn, kệ, giá…; theo kho kế toán; theo tài khoản vật tư; theo mã vụ việc/dự án; theo PO mua/bán; theo nhà cung cấp/khách hàng…
* Tính toán số lượng sản phẩm còn sản xuất được theo dự án/vụ việc, theo số tồn kho tổng thể
* Quy định và cảnh báo số lượng tồn kho tối thiểu, tối đa
* Quy định và cảnh báo thời gian lưu kho tối đa
* Quy định và cảnh báo thời gian cần vật tư phải sẵn sàng trong kho/sẵn sàng xuất kho căn cứ theo kế hoạch/lệnh sản xuất
* Sử dụng mã vạch ở các công đoạn sản xuất và nhập xuất kho
* In các chứng từ giao dịch, các báo cáo biến động/tồn kho
* Lập và in packing list hàng xuất
* Chuyển/Merge dữ liệu với phân hệ tài chính